**ĐẠI HỌC HUẾ**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

---------- 🙗 🕮 🙑 ----------



SỔ TAY HỌC VỤ

**(DÀNH CHO SINH VIÊN KHÓA 57 - HỆ CHÍNH QUY**

**ĐÀO TẠO LIÊN KẾT VỚI ĐẠI HỌC RENNES 1 – CỘNG HÒA PHÁP***)*

 🕮

**HUẾ - 2023**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đại học Huế**Trường Đại Học Kinh tế****---------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****-----o0o-----** | **Đại học Rennes 1****Cộng hoà Pháp****------------** |

**GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**LIÊN KẾT ĐỒNG CẤP BẰNG GIỮA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ**

 **VÀ ĐẠI HỌC RENNES 1- PHÁP**

**1. Tổng quan về chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo liên kết được xây dựng trên cơ sở kết hợp những yếu tố vượt trội của chương trình đào tạo hiện tại ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Rennes 1 và ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế. Chương trình kéo dài 4 năm. Trong ba năm đầu, sinh viên theo học chương trình tại Việt Nam và được bồi dưỡng ngoại ngữ. Cuối năm 3, những sinh viên đáp ứng đủ điều kiện về kiến thức khoa học và trình độ tiếng Pháp theo điều kiện tiếp nhận của Đại học Rennes 1 sẽ được cử đi học tập tại Đại học Rennes 1 (nhóm 1). Những sinh viên còn lại (nhóm 2) sẽ tiếp tục học tại Việt Nam. Nhóm 1 nếu hoàn thành chương trình theo yêu cầu của Đại học Rennes 1 sẽ được nhận bằng Cử nhân quốc gia (Licence). Nhóm 2 nếu hoàn thành chương trình theo yêu cầu của Đại học Rennes 1 sẽ được nhận bằng Cử nhân cấp trường (Diplôme Universitaire). Cả hai nhóm nếu hoàn thành Chương trình đào tạo theo yêu cầu của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế sẽ được cấp bằng Tốt nghiệp Đại học ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.

**2. Lợi ích của sinh viên khi tham gia chương trình**

- Được tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến của Cộng Hòa Pháp.

- Được bồi dưỡng tiếng Pháp trong suốt quá trình theo học chương trình.

- Được giảng dạy bởi các giảng viên nhiệt huyết, có trình độ và kinh nghiệm giảng dạy của Pháp và Việt Nam.

- Được cấp hai bằng cử nhân của Đại học Rennes 1, Pháp và trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.

- Có cơ hội trải nghiệm học tập tại Đại học Rennes 1, Pháp (vào năm 4 của chương trình), được ưu tiên sống tại ký túc xá trong thời gian này và hưởng mọi ưu đãi đối với sinh viên tại Pháp (hỗ trợ tiền thuê nhà, …).

- Có cơ hội tiếp tục học sau đại học và cao hơn tại Pháp cũng như các nước thuộc Cộng Đồng Pháp ngữ (có thể xin Học bổng của Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam, Học bổng của Cơ quan đại học Pháp ngữ - AUF - Agence Universitaire de la Francophonie, học bổng của các trường, vùng, chính phủ Pháp, v.v.) và mở rộng cơ hội làm việc ở Pháp.

**3. Nội dung chương trình :** *Xem ở Phụ lục*

**4. Thông tin liên lạc :**

Văn phòng Chương trình đào tạo đồng cấp bằng, Trường ĐH Kinh tế - Đại Học Huế.

 Tầng 3 - dãy nhà c, 99 Hồ Đắc Di, Phường An Cựu, TP Huế.

 Điện thoại*:* ***0905.492.373 (cô Ngọc), 0906.559.595 (cô Hường)***

 Website*:*[*http://www.hce.edu.vn*](http://www.hce.edu.vn/)hoặc [*http://rennes.hce.edu.vn/*](http://rennes.hce.edu.vn/)

E-mail:   **ttbngoc@hce.edu.vn****;**

 **saha.rennes@gmail.com****.**

Facebook: chuongtrinhrennes

# PHỤ LỤC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đại học Huế**Trường Đại Học Kinh tế****---------------** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****-----o0o-----** | **Đại học Rennes 1****Cộng hoà Pháp****------------** |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**LIÊN KẾT ĐỒNG CẤP BẰNG GIỮA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC HUẾ VÀ ĐẠI HỌC RENNES 1- PHÁP**

***(Thực hiện theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục)***

**Tên chương trình:** GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

**Trình độ đào tạo:** ĐẠI HỌC

**Ngành đào tạo:** TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

**Mã ngành :**   7349001

**Loại hình đào tạo:** CHÍNH QUY

**Hình thức:** LIÊN KẾT ĐỒNG CẤP BẰNG

# 1. Mục tiêu đào tạo

 Chương trình đào tạo này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và quản lý doanh nghiệp, xây dựng cho sinh viên khả năng nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng trong khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế công ở phạm vi trong nước và quốc tế.

 Sinh viên sau khi hoàn tất chương trình đào tạo liên kết ngành Tài chính - Ngân hàng cần đạt được những kiến thức, kỹ năng và các giá trị giáo dục sau đây:

***Kiến thức***

- Hiểu nguyên lý căn bản về kinh tế và quản lý doanh nghiệp ;

- Giải thích được nguyên lý căn bản về kế toán, tài chính, tiền tệ và ngân hàng;

- Hiểu hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến tài chính và ngân hàng;

- Hiểu những nghiệp vụ tài chính và ngân hàng chủ yếu;

- Hiểu các phương pháp, công cụ phân tích tài chính cơ bản;

***Kỹ năng***

- Đạt trình độ tiếng Pháp tối thiểu B2 theo khung tham chiếu châu Âu hoặc ngoại ngữ khác tương đương theo qui định;

- Khả năng tư duy logic, tự học một cách chủ động, làm việc theo nhóm và thuyết trình;

- Khả năng nhận biết và quản trị rủi ro tài chính trong một doanh nghiệp, một ngân hàng thương mại;

- Khả năng thực hiện các nghiệp vụ chủ yếu trong một ngân hàng thương mại;

- Khả năng phân tích và đưa ra những kết luận phù hợp về những vấn đề tài chính và ngân hàng trong một đơn vị dựa trên những cơ sở dữ liệu thu thập được.

***Thái độ, hành vi và các giá trị giáo dục khác***

- Khả năng làm việc một cách khoa học, hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế;

- Phong cách làm việc chuyên nghiệp, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

***Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp***

Khi hội đủ các điều kiên tốt nghiệp sinh viên sẽ được cấp 2 bằng đại học do Đại học Rennes 1 - Pháp và Trường Đại học kinh tế - Đại học Huế cấp. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân có thể làm việc tại các tổ chức tài chính, ngân hàng, trong khu vực kinh tế tư nhân cũng như khu vực kinh tế công, đặc biệt trong các doanh nghiệp Pháp ngữ và các doanh nghiệp nước ngoài khác.

# 2. Thời gian đào tạo: 4 năm, trong đó 3 năm học tại Huế và năm cuối có thể học tại Đại học Rennes 1, Pháp nếu đáp ứng các yêu cầu về kiến thức khoa học và tiếng Pháp.

# 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ cần tích luỹ là **130** tín chỉ (chưa kể Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất), trong đó kiến thức giáo dục đại cương là **32** tín chỉ và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là **98** tín chỉ (bao gồm cả thực tập nghề nghiệp và thực tập làm khoá luận).

# 4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo, theo Quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và qui định của Đại học Rennes 1.

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Số lượng tuyển sinh dự kiến: 60 sinh viên /khóa

# 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Đào tạo theo học chế tín chỉ.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên phải tích luỹ đủ **130** tín chỉ (không kể các môn giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất) và đáp ứng các chuẩn đầu ra của chương trình đào liên kết nêu ở mục 1.

# 6. Thang điểm

Thực hiện theo quy chế 43 về đào tạo theo tín chỉ của Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam và qui định của Đại học Rennes 1.

# 7. Nội dung chương trình

*7.1. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình đào tạo*

|  |  |
| --- | --- |
| **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** |
| Kiến thức giáo dục đại cương | 32 |
| Kiến thức chung của ngành | 27 |
| Kiến thức chuyên ngành | 43/56 |
| Kiến thức bổ trợ ngành | 17/23 |
| Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp và khoá luận | 11 |
| **Tổng cộng** | **130/149** |

7.2. Mô tả tổng quát chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo liên kết được xây dựng trên cơ sở phù hợp giữa chương trình đào tạo hiện tại ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế và ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Rennes 1, đồng thời đáp ứng những yêu cầu cơ bản của một chương trình giáo dục đại học theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

*Về số lượng các học phần :*

* Tổng số học phần của chương trình đào tạo liên kết là : 51 học phần, trong đó 05 học phần tiếng Pháp cơ bản, 01 học phần tiếng Pháp chuyên sâu và 45 học phần khoa học.
* Số lượng học phần thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là : 37 học phần, số học phần bắt buộc là 26 học phần, tự chọn là 11 học phần.
* Số lượng học phần chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Pháp: 11 học phần, trong đó 05 học phần do các giảng viên của Đại học Rennes 1 trực tiếp giảng dạy và 06 học phần do các giảng viên Việt Nam đảm nhận.

*Về nội dung các học phần*:

- 16 học phần có nội dung theo đề cương của Chương trình đào tạo ngành Tài chính –Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.

- 35 học phần có nội dung phù hợp theo đề cương của Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế - Quản lý của Đại học Rennes 1.

7.3. Nội dung chương trình

| **STT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** |
| --- | --- | --- | --- |
| 7.3.1 | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **32** |
| 7.3.1.1 | **Lý luận chính trị** | **11** |
| 1 | LLCTTH3 | Triết học Mác-Lênin  | 3 |
| 2 | LLCTKT2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  | 2 |
| 3 | LLCTXH2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | LTCTTT2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 5 | LLCTLS2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| 7.3.1.2 | **Khoa học xã hội - nhân văn – nghệ thuật** | **2** |
| 6 | RENS1042 | Pháp luật đại cương | 2 |
| 7.3.1.3 | **Ngoại ngữ** | **10** |
| 7 | RENS1032 | Tiếng Pháp cơ bản 1 | 2 |
| 8 | RENS1062 | Tiếng Pháp cơ bản 2 | 2 |
| 9 | RENS1092 | Tiếng Pháp cơ bản 3 | 2 |
| 10 | RENS1162 | Tiếng Pháp cơ bản 4 | 2 |
| 11 | RENS1222 | Tiếng Pháp cơ bản 5 | 2 |
| 7.3.1.4 | **Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường** | **9** |
| 12 | HTTT1053 | Tin học ứng dụng | 3 |
| 13 | HTTT1043 | Toán ứng dụng trong kinh tế | 3 |
| 14 | HTTT1033 | Lý thuyết xác suất thống kê | 3 |
| **7.3.2** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **98/117** |
| 7.3.2.1 | **Kiến thức chung của ngành** | **27** |
| 15 | RENS1053 | Kinh tế vi mô 1 | 3 |
| 16 | RENS1073 | Kinh tế vi mô 2 | 3 |
| 17 | RENS1043 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 |
| 18 | RENS1083 | Kinh tế vĩ mô 2 | 3 |
| 19 | RENS1093 | Luật kinh tế | 3 |
| 20 | RENS3023 | Quản trị học | 3 |
| 21 | RENS1063 | Nhập môn tài chính tiền tệ | 3 |
| 22 | RENS1103 | Nguyên lý kế toán\* | 3 |
| 23 | RENS3023 | Kế toán tài chính | 3 |
| 7.3.2.2 | **Kiến thức chuyên ngành** | **43/56** |
| 24 | RENS1123 | Kinh tế vi mô 3\* | 3 |
| 25 | RENS1133 | Kinh tế vĩ mô 3\* | 3 |
| 26 | RENS1213 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 |
| 27 | RENS1212 | Thị trường tài chính\* | 3 |
| 28 | RENS5303 | Tài chính công | 3 |
| 29 | RENS1223 | Quản trị rủi ro tài chính\* | 3 |
| 30 | RENS1016 | Nghiên cứu tình huống\* | 4 |
| 31 | RENS1193 | Tài chính doanh nghiệp 1\* | 3 |
| 32 | RENS1142 | Toán tài chính\* | 3 |
| 33 | RENS1013 | Marketing ngân hàng | 3 |
| 34 | KTTC3263 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 |
| 35 | RENS1014 | Kinh tế vĩ mô 4\*,5\* | (4) |
| 36 | RENS1183 | Tài chính quốc tế | (3) |
| 37 | KTTC4412 | Bảo hiểm | (3) |
| 38 | KTTC3103 | Quản trị ngân hàng thương mại | (3) |
| 39 | KTTC4343 | Quản lý thuế | (3) |
| 40 | KTTC5393 | Thẩm định tài chính dự án | (3) |
| 41 |  KTTC3163 | Công nghệ tài chính | (3) |
| **7.3.2.3** | **Kiến thức bổ trợ** | **17/23** |
| 42 | RENS1153 | Kinh tế vi mô 4 | 3 |
| 43 | RENS1143 | Kinh tế lượng | 3 |
| 44 | RENS1173 | Thống kê ứng dụng | 3 |
| 45 | RENS1232 | Tiếng Pháp chuyên sâu | 2 |
| 46 | RENS4243 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | (3) |
| 47 | KTKT4133 | Phân tích hoạt động kinh doanh | (3) |
| 48 | KTTC3063 | Kế toán quản trị | (3) |
| 49 | RENS3033 | Quản trị chiến lược | (3) |
| **7.3.2.4** | **Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp và khoá luận** | **11** |
| 50 | RENS2004 | Thực tập nghề nghiệp\* | 4 |
| 51 | RENS2007 | Khóa luận\* | 7 |
|  | **Tổng cộng** | **130/149** |

**Ghi chú:** *- Chưa tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng*

 *- Các học phần có dấu ( ) là các học phần tự chọn*

 *- Các học phần đánh dấu \* là những học phần dạy bằng tiếng Pháp.*

 *- Nội dung chương trình có thể được cập nhật hoặc thay đổi theo yêu cầu của hai trường liên kết.*

# 8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến và giảng viên đảm nhận

| **TT** | **Mã học phần** | **TÊN HỌC PHẦN** | **Số TC** | **Học kỳ dự kiến** | **GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên Giảng viên** | **Đơn vị** |
| **Trong trường** | **Ngoài trường** |
| **Trong ĐH Huế** | **Ngoài ĐH Huế** |
| 1 | RENS1032 | Tiếng Pháp cơ bản 1 | 2 | 1 | NCS. Phan Thị Kim Liên và GV Pháp ngữ |  | X  |  |
| 2 | HTTT1043 | Toán ứng dụng trong kinh tế | 3 | 1 | ThS. Mai Thanh Văn | X  |  |  |
| 3 | LLCTTH3 | Triết học Mác-Lênin  | 3 | 1 | ThS. Hồ Lê Phương Thảo | X |  |  |
| 4 | LLCTKT2 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin  | 2 | 2 | TS. Hà Thị Hằng | X |  |  |
| 5 | RENS1062 | Tiếng Pháp cơ bản 2 | 2 | 2 | NCS. Phan Thị Kim Liên và GV Pháp ngữ |  | X  |  |
| 6 | RENS1053 | Kinh tế vi mô 1 | 3 | 1 | PGS.TS. Trần Văn Hòa | X |  |  |
| 7 | RENS1043 | Kinh tế vĩ mô 1 | 3 | 1 | TS. Phan Văn Hòa | X |  |  |
| 8 | LLCTXH2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 3 | ThS. Lê Văn Sơn | X |  |  |
| 9 | LLCTLS2 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 3 | TS. Phạm Thị Thương | X |  |  |
| 10 | RENS1042 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | TS. Lê Thị Hải Ngọc |  | X  |  |
| 11 | LTCTTT2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 4 | TS. Võ Thị Thu Ngọc | X  |  |  |
| 12 | HTTT1053 | Tin học ứng dụng | 3 | 2 | TS. Hồ Quốc Dũng |  | X |  |
| 13 | RENS1092 | Tiếng Pháp cơ bản 3 | 2 | 3 | NCS. Phan Thị Kim Liên và GV Pháp ngữ |  | X  |  |
| 14 | RENS1073 | Kinh tế vi mô 2 | 3 | 3 | PGS.TS. Trần Văn Hòa | X |  |  |
| 15 | RENS1083 | Kinh tế vĩ mô 2 | 3 | 3 | TS. Lê Thị Tố Hoa |  |  | X |
| 16 | HTTT1033 | Lý thuyết xác suất thống kê toán | 3 | 3 | ThS. Phạm Thị Kim Tuyến | X |  |  |
| **TT** | **Mã học phần** | **TÊN HỌC PHẦN** | **Số TC** | **Học kỳ dự kiến** | **GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY** |
| **Họ và tên Giảng viên** | **Đơn vị** |
| **Trong trường** | **Ngoài trường** |
| **Trong ĐH Huế** | **Ngoài ĐH Huế** |
| 17 | RENS1093 | Luật Kinh tế | 3 | 3 | TS. Lê Thị Hải Ngọc |  | X |  |
| 18 | RENS1162 | Tiếng Pháp cơ bản 4 | 2 | 4 | NCS. Phan Thị Kim Liên và GV pháp ngữ |  | X |  |
| 19 | RENS3023 | Quản trị học | 3 | 4 | PGS.TS.Nguyễn Tài Phúc | X |  |  |
| 20 | RENS1063 | Nhập môn tài chính tiền tệ | 3 | 4 | TS. Phan Khoa Cương | X |  |  |
| 21 | RENS1103 | Nguyên lý kế toán\* | 3 | 4 | PGS.TS. Phan Thị Minh Lý |  |  | X |
| 22 | RENS1222 | Tiếng Pháp cơ bản 5 | 2 | 5 | NCS. Phan Thị Kim Liên và GV Pháp ngữ |  | X |  |
| 23 | RENS1123 | Kinh tế vi mô 3\* | 3 | 5 | GS Yvon Rocaboy |  |  | X |
| 24 | RENS1133 | Kinh tế vĩ mô 3\* | 3 | 5 | GS Jean Jacques Durand |  |  | X |
| 25 | RENS3023 | Kế toán tài chính | 3 | 5 | TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền | X |  |  |
| 26 | RENS1213 | Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại | 3 | 5 | ThS. Nguyễn Hồ Phương Thảo | X  |  |  |
| 27 | RENS1212 | Thị trường tài chính\* | 2 | 6 | TS. Trần Thị Bích Ngọc | X |  |  |
| 28 | RENS5303 | Tài chính công | 3 | 6 | ThS. Lê Hoàng Anh | X |  |  |
| 29 | RENS1223 | Quản trị rủi ro tài chính\* | 3 | 6 | GS. Franck Martin |  |  | X |
| 30 | RENS1013 | Marketing Ngân hàng | 3 | 6 | TS. Hồ Thị Hương Lan | X |  |  |
| 31 | KTTC4412 | Bảo hiểm | 3 | 6 | ThS. Bùi Thành Công |  | X |  |
| 32 | RENS1193 | Tài chính doanh nghiệp 1\* | 3 | 6 | TS. Trần Thị Bích Ngọc | X  |  |  |
| 33 | RENS1016 | Nghiên cứu tình huống\* | 4 | 6 | GS. Christophe Tavéra | X |  |  |
| 34 | RENS2004 | Thực tập nghề | 4 | Hè năm 3 | Nhiều giáo viên | X  |  |  |
| 35 | RENS1232 | Tiếng Pháp chuyên sâu | 2 | 7 | NCS. Phan Thị Kim Liên  |  | X |  |
| 36 | RENS1153 | Kinh tế vi mô 4 | 3 | 7 | PGS. Cao Thúy Xiêm |  |  | X |
| 37 | KTTC3263 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 | 7 | TS. Phan Khoa Cương | X |  |  |
| 38 | KTTC3103 | Quản trị ngân hàng thương mại | 3 | 7 | ThS. Nguyễn Tiến Nhật | X |  |  |
| 39 | RENS1143 | Kinh tế lượng | 3 | 7 | TS. Hoàng Triệu Huy | X |  |  |
| 40 | RENS1173 | Thống kê ứng dụng | 3 | 7 | ThS. Nguyễn Việt Anh | X |  |  |
| 41 | RENS1183 | Tài chính quốc tế | 3 | 7 | ThS. Bùi Thành Công | X |  |  |
| 42 | KTTC4343 | Quản lý thuế | 3 | 7 | ThS. Lê Hoàng Anh | X |  |  |
| 43 | KTTC3163 | Công nghệ ngân hàng | 3 | 6 | ThS. Nguyễn Hồ Phương Thảo | X |  |  |
| 44 | KTTC5393 | Thẩm định tài chính dự án | 3 | 7 | TS. Nguyễn Việt Đức | X |  |  |
| 45 | RENS1142 | Toán tài chính\* | 3 | 8 | TS. Trần Thị Bích Ngọc | X |  |  |
| 46 | RENS1014 | Kinh tế vĩ mô 4,5\* | 4 | 8 | GS. Jean Jacques Durand/GS. Christophe Tavéra |  |  | X |
| 47 | RENS4243 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 3 | 6 | TS. Trần Thị Bích Ngọc | X |  |  |
| 48 | KTKT4133 | Phân tích hoạt động kinh doanh | 3 | 6 | ThS. Đào Nguyên Phi | X |  |  |
| 49 | KTKT3013 | Kế toán quản trị | 3 | 6 | ThS. Đào Nguyên Phi | X |  |  |
| **TT** | **Mã học phần** | **TÊN HỌC PHẦN** | **Số TC** | **Học kỳ dự kiến** | **GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY** |
| **Họ và tên Giảng viên** | **Đơn vị** |
| **Trong trường** | **Ngoài trường** |
| **Trong ĐH Huế** | **Ngoài ĐH Huế** |
| 50 | RENS3033 | Quản trị chiến lược | 3 | 6 | TS. Lê Thị Ngọc Anh | X |  |  |
| 51 | RENS2007 | Khóa luận tốt nghiệp\* | 7 | 8 | Nhiều giáo viên Việt Nam và Pháp | X  |  | X |

# 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo liên kết được xây dựng trên cơ sở phù hợp giữa chương trình đào tạo hiện tại ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế và ngành Kinh tế - Quản lý của Đại học Rennes 1 - Cộng hòa Pháp.

Trong giai đoạn đầu, các môn học cũng như chuyên đề được xây dựng xoay quanh 3 trục: Phân tích kinh tế, Kinh tế ứng dụng và Kỹ thuật định lượng. Sau đó, các môn học bổ sung sẽ đi sâu về Luật và Quản lý. Trong giai đoạn sau, chương trình học sẽ tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

Chương trình đào tạo liên kết được thiết kế theo các kỳ học và năm học phù hợp với qui định và điều kiện của hai bên liên kết.

Tổng thời gian đào tạo của chương trình liên kết là 4 năm (8 kỳ), trong đó 3 năm (6 kỳ) học tại Việt Nam và 1 năm (2 kỳ) học tại Pháp (những sinh viên đủ điều kiện).

Cụ thể, hai năm đầu dạy và học theo chương trình Việt Nam và bồi dưỡng ngoại ngữ. Kết thúc năm thứ 2, sinh viên phải đạt trình độ B2 tiếng Pháp theo khung tham chiếu chung Châu Âu. Cuối năm 3 sinh viên sẽ được tách thành 2 nhóm để thực hiện chương trình học năm 4. Nhóm 1 gồm các sinh viên hội tụ đủ điều kiện về kiến thức khoa học và trình độ tiếng Pháp theo điều kiện tiếp nhận của Đại học Rennes 1 sẽ được cử đi học tập tại Trường Đại học Rennes 1. Nhóm 2 gồm các sinh viên còn lại sẽ tiếp tục học tại Việt Nam. Nhóm 1 nếu hoàn thành chương trình theo yêu cầu của Đại học Rennes 1 sẽ được nhận bằng Cử nhân quốc gia (Licence). Nhóm 2 nếu hoàn thành chương trình theo yêu cầu của Đại học Rennes 1 sẽ được nhận bằng Cử nhân cấp trường (Diplôme Universitaire). Cả hai nhóm nếu hoàn thành Chương trình đào tạo theo yêu cầu của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế sẽ được cấp bằng Tốt nghiệp Đại học ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.

Kết quả học tập ở Việt Nam được ĐH Rennes 1 chấp nhận và quy đổi tương đương theo thang điểm 20 (theo quy định của Pháp). Kết quả học tập ở Pháp được Trường ĐH Kinh tế – Đại học Huế chấp nhận và quy đổi tương đương theo thang điểm 10 và thang điểm 4 (theo Quy định hiện hành).

Phần kiến thức giáo dục đại cương phải tích luỹ tối thiểu: 32 tín chỉ

Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp phải tích luỹ tối thiểu: 87 tín chỉ.

Phần thực tập nghề nghiệp: 4 tín chỉ.

Thực tập làm khoá luận bảo vệ tốt nghiệp: 7 tín chỉ